



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI

Địa chỉ: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lại (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính chuyên đổi của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 trình bày Báo cáo này, gồm:

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 02 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYÊN ĐỔI | 06 - 07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYÊN ĐỔI | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHUYÊN ĐỔI | 09 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI | 10 - 25 |

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng và thích ứng nào cần được công bố và ghi thích trong báo cáo tài chính chuyên đổi hay không;

Lập báo cáo tài chính chuyên đổi trên cơ sở hoạt động tiếp tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyên đổi hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép và trình bày phù hợp đã phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyên đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyên đổi. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo sự toàn vẹn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện gian lận, nếu có.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hứa Cương Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Dương Ủy viên

Ông Ngô Chí Hồng Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Hứa Cương Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dương Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính chuyển đổi phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi. Trong việc lập các báo cáo tài chính chuyển đổi này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI



Hứa Cương
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Văn Dương
Phó Tổng giám đốc

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

TY
HỮU H
ĐỊNH
AM
TP.

Số: 221 -22/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo của Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 25 bao gồm: Bảng cân đối kế toán chuyển đổi tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Báo cáo tài chính chuyển đổi này đã được Ban Tổng giám đốc Công ty lập theo quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư số 200”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 như trình bày tại Thuyết minh số III.1 - Cơ sở chuyển đổi báo cáo tài chính của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200.

Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán

Tuy không thay đổi ý kiến kiểm toán, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh III.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính chuyển đổi này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam theo quy định của Thông tư số 200. Vì thế, Báo cáo tài chính chuyển đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ Báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Nhân dân tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 216 -22/BC-TC/VAE ngày 30 tháng 3 năm 2022 về Báo cáo tài chính đó với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và có đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYÊN ĐỔI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| A TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 54.531.604.617 | 67.062.470.270 |
| I Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 47.775.757.035 | 60.646.479.225 |
| 1 Tiền | 111 | V.1. | 47.775.757.035 | 60.646.479.225 |
| II Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 110.224.118 | 109.123.639 |
| 1 Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.2. | 110.224.118 | 109.123.639 |
| IV Hàng tồn kho | 140 | | 2.920.154.083 | 3.184.880.933 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | V.3. | 2.920.154.083 | 3.184.880.933 |
| V Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.725.469.381 | 3.121.986.473 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9. | 23.593.767 | 211.667.438 |
| 2 Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 762.861.078 | 647.656 |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12. | 2.939.014.536 | 2.909.671.379 |
| B TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 306.561.405.988 | 335.765.456.726 |
| I Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II Tài sản cố định | 220 | | 116.673.124.235 | 129.799.067.170 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.5. | 92.610.915.152 | 104.479.982.203 |
| - Nguyên giá | 222 | | 273.113.251.995 | 270.265.043.881 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (180.502.336.843) | (165.785.061.678) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.6. | 24.062.209.083 | 25.319.084.967 |
| - Nguyên giá | 228 | | 68.142.143.516 | 67.461.811.507 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (44.079.934.433) | (42.142.726.540) |
| III Bất động sản đầu tư | 230 | V.7. | 161.887.583.540 | 176.743.048.356 |
| - Nguyên giá | 231 | | 476.035.767.731 | 471.283.020.705 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (314.148.184.191) | (294.539.972.349) |
| IV Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 164.599.126 | - |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.8. | 164.599.126 | - |
| V Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.4. | 27.280.405.505 | 28.246.431.246 |
| 1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 70.724.825.556 | 70.018.708.018 |
| 2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (43.444.420.051) | (41.772.276.772) |
| VI Tài sản dài hạn khác | 260 | | 555.693.582 | 976.909.954 |
| 1 Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9. | 555.693.582 | 976.909.954 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 361.093.010.605 | 402.827.926.996 |

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính chuyên đổi này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYÊN ĐỔI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|------------|--------------|-------------------------|-------------------------|
| C NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 429.230.952.991 | 467.789.828.291 |
| I Nợ ngắn hạn | 310 | | 199.677.019.049 | 134.131.421.190 |
| 1 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10. | 356.111.177 | 682.977.547 |
| 2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11. | 990.868.161 | 804.994.782 |
| 3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12. | 6.873.451.520 | 6.801.202.714 |
| 4 Phải trả người lao động | 314 | | 2.091.287.203 | 3.670.151.316 |
| 5 Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13. | 123.364.431.353 | 122.171.233.111 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14. | 66.000.000.000 | - |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 869.635 | 861.720 |
| II Nợ dài hạn | 330 | | 229.553.933.942 | 333.658.407.101 |
| 1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.14. | 229.553.933.942 | 333.658.407.101 |
| D VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (68.137.942.386) | (64.961.901.295) |
| I Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15. | (68.137.942.386) | (64.961.901.295) |
| 1 Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 132.960.322.036 | 132.960.322.036 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 132.960.322.036 | 132.960.322.036 |
| 2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 25.199.399.017 | 24.970.062.350 |
| 3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | V.16. | 99.563.103.043 | 101.693.791.010 |
| 4 Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 37.139.653.742 | 36.801.650.269 |
| 5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (363.000.420.224) | (361.387.726.960) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (361.387.726.960) | (252.307.726.069) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| II Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 361.093.010.605 | 402.827.926.996 |

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

La Văn Lai



Nguyễn Văn Dương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính chuyên đổi này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYÊN ĐỔI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | Năm 2021 | Năm 2020 |
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1. | 6.366.692.125 | 38.549.145.917 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 6.366.692.125 | 38.549.145.917 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2. | 73.322.768.325 | 100.321.283.400 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | (66.956.076.200) | (61.772.137.483) |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3. | 7.276.741 | 477.865.936 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | VI.4. | 8.315.979.558 | 1.784.372.533 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.370.794.519 | - |
| 8 Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7. | 33.338.460.785 | 45.097.236.166 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | (108.603.239.802) | (108.175.880.246) |
| 11 Thu nhập khác | 31 | VI.5. | 107.318.790.230 | 195.214.916 |
| 12 Chi phí khác | 32 | VI.6. | 328.243.692 | 1.099.335.561 |
| 13 Lợi nhuận khác (40= 31-32) | 40 | | 106.990.546.538 | (904.120.645) |
| 14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| 15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9. | - | - |
| 17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| 18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10. | (121) | (8.204) |

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

La Văn Lai



Nguyễn Văn Dương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính chuyên đổi này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHUYÊN ĐỔI

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã Thuyết số minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 30.530.281.314 | 29.010.679.452 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 1.224.210.024 | 1.179.399.863 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 4.630.671.149 | 604.972.670 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (7.276.741) | (4.124.101) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 2.370.794.519 | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | (107.248.525.000) | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (70.112.537.999) | (78.289.073.007) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (763.313.901) | 80.637.358 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 264.726.850 | 2.587.887.973 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (1.686.327.519) | (10.674.294.193) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 609.290.043 | 965.954.727 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (2.370.794.519) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (74.058.957.045) | (85.328.887.142) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (285.690.035) | - |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 7.276.741 | 4.124.101 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 4.145.905.836 | 4.124.101 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 66.000.000.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 66.000.000.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | (3.913.051.209) | (85.324.763.041) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 60.646.479.225 | 153.188.467.670 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (4.067.257.631) | (3.065.539.891) |
| Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | | (4.890.413.350) | (4.151.685.513) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 V.01 | 47.775.757.035 | 60.646.479.225 |

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI
Kế toán trưởng Phó Tổng giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hà

La Văn Lai

Nguyễn Văn Dương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính chuyên đổi này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Liên doanh Hải Ninh - Lợi Lai được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 501/GP ngày 11/01/1993 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Sau đó, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 221.032.000.113 ngày 03/4/2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700253502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/04/2008. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5700253502 thay đổi lần thứ 2 ngày 29/11/2019 về việc giảm vốn Điều lệ thì Vốn Điều lệ của Công ty là **132.960.322.036 đồng** (Một trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng).

Phần vốn điều lệ góp cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Móng Cái góp 36.000.000.000 VND (Ba mươi sáu tỷ Đồng Việt Nam) tương đương 2.250.000 USD (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ), chiếm 25% giá trị vốn góp, gồm giá trị quyền sử dụng các lô đất và tiền mặt theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại công văn số 1650/UB ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Hợp đồng thuê đất ngày 22/04/2003 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Móng Cái và Sở Địa chính. Theo Biên bản Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2018 thì phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty CP Giải trí Quốc tế Lợi Lai được chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu từ Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC quản lý. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2021, Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục để chuyển tên cổ đông sở hữu cổ phần Nhà nước tại Công ty sang SCIC.
- Công ty Profit Come Entertainment Development Limited góp 102.600.000.000 VND (Một trăm lẻ hai tỷ, sáu trăm triệu Đồng Việt Nam), tương đương 6.412.500 USD (Sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm Đô la Mỹ), chiếm 71,25% giá trị vốn góp bằng tiền mặt.
- Công ty Profit Come Entertainment Development Co. góp 5.400.000.000 VND (Năm tỷ, bốn trăm triệu Đồng Việt Nam), tương đương 337.500 USD (Ba trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm Đô la Mỹ), chiếm 3,75% giá trị vốn góp bằng tiền mặt.

Theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty ngày 13/05/1993, Công ty đã mở một Văn phòng tại Thị xã Đông Hưng, Tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Nhiệm vụ của Văn phòng là thực hiện công việc liên lạc giữa Công ty với đối tác nước ngoài, đồng thời là nơi chờ làm thủ tục xuất, nhập cảnh cho nhân viên của Công ty từ Trung Quốc sang làm việc, cũng như cho khách hàng là người nước ngoài đến vui chơi tại điểm vui chơi giải trí của Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức vui chơi có thưởng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Vận chuyển hành khách của Công ty bằng đường bộ;

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

- Tổ chức thi điểm các trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài tại khách sạn của Công ty như sau:
 - + Tú lơ khơ 21 điểm, số lượng 03 bàn;
 - + Tú lơ khơ bách gia lạc, số lượng 03 bàn;
 - + Xúc xắc, số lượng 02 bàn;
 - + Máy quay đĩa, số lượng 03 bộ;
 - + Quay số trúng thưởng (dạng quả cầu), số lượng 03 bộ;
 - + Trò chơi điện tử có thưởng với số lượng tối đa 100 máy;
- Tổ chức biểu diễn ca múa nhạc tại khách sạn của Công ty do các nghệ sĩ nước ngoài thực hiện.

Thời gian hoạt động của Công ty: là 39 năm kể từ ngày dự án được cấp phép đầu tư số 501/GP ngày 11/01/1993.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên doanh là Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận có trụ sở chính tại Phường Trà Cổ - Thành phố Móng Cái - Tỉnh Quảng Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên doanh này là kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, sân golf và khu vui chơi giải trí (không có thưởng) cho người Việt Nam và người nước ngoài.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận là **21.000.000,00 USD** (Hai mươi một triệu đôla Mỹ)

| | <u>01/01/2021</u> | <u>31/12/2021</u> |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| - Tỷ lệ vốn thực góp | 5,68% | 5,67% |
| - Tỷ lệ quyền biểu quyết | 40% | 40% |

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động lớn từ đại dịch này. Từ đầu năm 2020 đến hết năm 2021 tỉnh Quảng Ninh vẫn đang tiếp tục thực hiện tạm dừng hoạt động nhập cảnh qua các cửa khẩu và toàn tuyến biên giới trên địa bàn tỉnh đối với người Trung Quốc, trong khi khách hàng của Công ty gần như chỉ có người nước ngoài nên doanh thu của Công ty giảm mạnh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm bị lỗ lớn.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính chuyên đổi của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

II. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyên đổi

Công ty sử dụng Nhân dân tệ (CNY) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Nhân dân tệ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập bằng Nhân dân tệ (CNY) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính (là tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Móng Cái với giá trị là 3.652,84 VND/CNY);
- Nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính (là tỷ giá mua chuyên khoản tại ngày 31/12/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Móng Cái với giá trị là 3.538,12 VND/CNY);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các chỉ tiêu thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân (riêng khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định bằng doanh thu thực tế kê khai trên tờ khai thuế hàng tháng theo tỷ giá cuối các tháng);
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyên đổi phải được đọc cùng với báo cáo tài chính bằng đồng CNY cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán của Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán chuyên đổi

1. Tiền

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 42.126.247.697 | 55.155.893.902 |
| Tiền mặt CNY | 10.163.592.575 | 14.846.056.581 |
| Tiền mặt VND | 1.159.003.065 | 1.350.004.663 |
| Tiền mặt USD | 30.801.869.617 | 38.958.015.902 |
| Tiền mặt HKD | 1.782.440 | 1.816.756 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.649.509.338 | 5.490.585.323 |
| Tiền gửi ngân hàng CNY | 81.903.977 | 81.086.247 |
| Tiền gửi ngân hàng VND | 2.402.559.294 | 2.195.568.168 |
| Tiền gửi ngân hàng USD | 3.149.170.313 | 3.197.416.971 |
| Tiền gửi ngân hàng HKD | 15.875.754 | 16.513.937 |
| Cộng | 47.775.757.035 | 60.646.479.225 |

2. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Công ty CP Tư vấn đầu tư công nghệ cao | 11.049.110 | 10.938.796 |
| Các đối tượng khác | 99.175.008 | 98.184.843 |
| Cộng | 110.224.118 | 109.123.639 |

3. Hàng tồn kho

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 1.076.965.575 | - | 1.074.650.780 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.843.188.508 | - | 2.110.230.153 | - |
| Cộng | 2.920.154.083 | - | 3.184.880.933 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI

Địa chỉ: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐÓI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐÓI (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đối kèm theo)***4. Các khoản đầu tư tài chính**

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị ghi số | Giá gốc |
| | VND | | | |
| Đầu tư vào công ty liên doanh | | | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận | 70.724.825.556 | (43.444.420.051) | 27.280.405.505 | 70.018.708.018 |
| Cộng | 70.724.825.556 | (43.444.420.051) | 27.280.405.505 | 70.018.708.018 |
| | | | | |
| | | | | 28.246.431.246 |

Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận trụ sở đặt tại: Phường Trà Cỏ - Thành phố Móng Cái - Tỉnh Quảng Ninh; Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, sân golf và khu vui chơi giải trí (không có thương) cho người Việt Nam và người nước ngoài.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận: Công ty thuê 2 tàu Vĩnh Lợi 1 và Vĩnh Lợi 2 của Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận do không có giá giao dịch. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi số.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐÓI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đối kèm theo)

| 5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình | Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng | Đơn vị tính: VND |
|--|-----------------|------------------------|-------------------|---------------------|---------------------------|----------------------|------|------------------|
| <i>Nguyên giá</i> | | | | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2021 | 209.483.610.009 | 17.596.090.430 | 33.082.658.033 | 9.066.196.989 | 1.036.488.420 | 270.265.043.881 | | |
| Mua trong năm | - | 121.090.909 | - | - | - | 121.090.909 | | |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | 2.112.578.984 | 179.027.066 | 333.628.621 | 91.429.861 | 10.452.673 | 2.727.117.205 | | |
| Số dư ngày 31/12/2021 | 211.596.188.992 | 17.896.208.405 | 33.416.286.654 | 9.157.626.850 | 1.046.941.093 | 273.113.251.995 | | |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | | | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2021 | 118.748.152.153 | 16.386.058.850 | 20.597.179.086 | 9.017.183.169 | 1.036.488.420 | 165.785.061.678 | | |
| Khấu hao trong năm | 8.272.330.624 | 1.168.824.491 | 3.291.430.384 | 34.631.871 | - | 12.767.217.370 | | |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | 1.072.392.745 | 190.714.197 | 584.808.067 | 91.690.113 | 10.452.673 | 1.950.057.795 | | |
| Số dư ngày 31/12/2021 | 128.092.875.521 | 17.745.597.538 | 24.473.417.537 | 9.143.505.153 | 1.046.941.093 | 180.502.336.843 | | |
| <i>Giá trị còn lại</i> | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 90.735.457.856 | 1.210.031.580 | 12.485.478.947 | 49.013.820 | - | 104.479.982.203 | | |
| Tại ngày 31/12/2021 | 83.503.313.471 | 150.610.867 | 8.942.869.117 | 14.121.697 | - | 92.610.915.152 | | |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 172.889.879.848 VND

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 54.246.306.345 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 41.001.235.404 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Phần mềm kế toán | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------------------|------------------|------------------|--|
| | | | Cộng | |
| <i>Nguyên giá</i> | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2021 | 67.140.641.687 | 321.169.820 | 67.461.811.507 | |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi Báo cáo tài chính | 677.093.109 | 3.238.900 | 680.332.009 | |
| Số dư ngày 31/12/2021 | 67.817.734.796 | 324.408.720 | 68.142.143.516 | |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2021 | 41.821.556.720 | 321.169.820 | 42.142.726.540 | |
| Khấu hao trong năm | 1.479.966.476 | - | 1.479.966.476 | |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi Báo cáo tài chính | 454.002.517 | 3.238.900 | 457.241.417 | |
| Số dư ngày 31/12/2021 | 43.755.525.713 | 324.408.720 | 44.079.934.433 | |
| <i>Giá trị còn lại</i> | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 25.319.084.967 | - | 25.319.084.967 | |
| Tại ngày 31/12/2021 | 24.062.209.083 | - | 24.062.209.083 | |

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 25.929.941.475 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 321.169.820 VND).

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| Khoản mục | 01/01/2021 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------------|----------------|----------------|------------------|--|
| | | | | 31/12/2021 | |
| <i>Nguyên giá</i> | | | | | |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 471.283.020.705 | 4.752.747.026 | - | 476.035.767.731 | |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | - | 4.752.747.026 | - | 4.752.747.026 | |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | | | | |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 294.539.972.349 | 16.283.097.468 | - | 314.148.184.191 | |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | - | 3.325.114.374 | - | 3.325.114.374 | |
| <i>Giá trị còn lại</i> | | | | | |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 176.743.048.356 | | | 160.459.950.888 | |
| | 176.743.048.356 | | | 160.459.950.888 | |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

8. Tài sản dở dang dài hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------------------------|--------------------|------------|
| | VND | VND |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | |
| <i>Dự án Thi công tường kè sông</i> | 164.599.126 | - |
| Cộng | 164.599.126 | - |

9. Chi phí trả trước

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 23.593.767 | 211.667.438 |
| Chi phí bảo hiểm xe ô tô | 895.603 | 68.536.721 |
| Chi phí thuê vị trí quảng cáo | - | 121.423.456 |
| Chi phí bảo hiểm cháy nổ | 22.698.164 | 21.707.261 |
| b) Dài hạn | 555.693.582 | 976.909.954 |
| Chi phí thuê đất | 555.693.582 | 825.334.109 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | - | 151.575.845 |
| Cộng | 579.287.349 | 1.188.577.392 |

10. Phải trả người bán

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|--------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Hoàng Thị Ta | 356.104.101 | 356.104.101 | 682.970.535 | 682.970.535 |
| Các đối tượng khác | 7.076 | 7.076 | 7.012 | 7.012 |
| Cộng | 356.111.177 | 356.111.177 | 682.977.547 | 682.977.547 |

11. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Khách thuê phòng nghỉ trả trước | 990.868.161 | 804.994.782 |
| Cộng | 990.868.161 | 804.994.782 |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Phải nộp | | |
| Thuế GTGT đầu ra | 2.416.428.366 | 2.222.723.375 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 4.314.754.641 | 4.326.126.408 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 142.268.513 | 252.352.931 |
| Cộng | 6.873.451.520 | 6.801.202.714 |
| b) Phải thu | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.893.620.876 | 2.864.730.930 |
| Thuế nhà thầu | 45.393.660 | 44.940.449 |
| Cộng | 2.939.014.536 | 2.909.671.379 |

13. Phải trả khác

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| Công ty Profit Come Entertainment Development Limited (*) | 120.970.611.751 | 119.869.672.920 |
| Lợi nhuận phải trả | 13.262.647.384 | 13.141.945.643 |
| Phải trả khác | 107.707.964.367 | 106.727.727.277 |
| Đặt cọc công phục | 951.214.469 | 1.068.069.518 |
| Bảo hiểm y, bảo hiểm xã hội và các khoản trả khác | 1.258.343.240 | 1.017.248.893 |
| Đặt cọc tập huấn | 184.261.893 | 216.241.780 |
| Cộng | 123.364.431.353 | 122.171.233.111 |

(*) Đây là khoản phải trả cho Công ty Profit Come Entertainment Development Limited về lợi nhuận và khoản trả thay tiền xây dựng khách sạn.

b) *Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1.*

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Địa chỉ: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐÓI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐÓI (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đối kèm theo)*

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm |
| | VND | | VND | |
| 14. Vay và nợ thuê tài chính | | | | |
| <i>a)</i> Ngắn hạn | 66.000.000.000 | 66.000.000.000 | - | - |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Quảng Ninh (1) | 66.000.000.000 | 66.000.000.000 | - | - |
| <i>b)</i> Dài hạn | 229.553.933.942 | 229.553.933.942 | 104.104.473.159 | 333.658.407.101 |
| Ông Hứa Cương (2) | 188.801.159.450 | 188.801.159.450 | - | 292.260.503.040 |
| Công ty Profit Come Entertainment Development Limited (3) | 40.752.774.492 | 40.752.774.492 | - | 41.397.904.061 |
| Cộng | 295.553.933.942 | 295.553.933.942 | 104.104.473.159 | 333.658.407.101 |

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Quảng Ninh theo hợp đồng tín dụng số 8090-LAV-2021.00196 ngày 01/02/2021. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tổng giá trị hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng đến hết ngày 01/02/2022. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 10/HĐTC ngày 28/01/2021 là tài sản gắn liền với đất là Khách sạn Lợi Lai gồm Khách sạn 5 tầng diện tích 19.414,7m², Nhà hàng 2 tầng diện tích 1.280,1m², Nhà giặt là cấp 4 diện tích 230,6m², Nhà kỹ thuật điện 2 tầng diện tích 699,8m².

(2) Khoản vay theo hợp đồng vay ngày 30/06/2009, số gốc vay 103.362.000 CNY, thời hạn cho vay tối thiểu 08 năm, không tính lãi, mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán các khoản chi phí phát sinh tại Công ty. Phụ lục hợp đồng gia hạn vay vốn số 02/2020/PLHHD-LL ngày 31/12/2019 về việc gia hạn đến ngày 31/12/2025.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/LL ngày 05/09/2011, số tiền vay 1.800.000 USD, thời hạn vay 05 năm, thời điểm trả nợ gốc tại thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng vay vốn tính từ ngày bên vay rút vốn, mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán các khoản nợ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Móng Cái. Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2020/PLHHD-LL ngày 31/12/2019 về việc gia hạn đến ngày 31/12/2025.

c) Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Vốn góp của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư tại 01/01/2020 | 132.960.322.036 | 23.376.599.849 | (252.307.726.069) | (95.970.804.184) |
| Lỗi trong năm trước | - | - | (109.080.000.891) | (109.080.000.891) |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | - | 1.593.462.501 | - | 1.593.462.501 |
| Số dư tại 31/12/2020 | 132.960.322.036 | 24.970.062.350 | (361.387.726.960) | (203.457.342.574) |
| Lãi trong năm nay | - | - | (1.612.693.264) | (1.612.693.264) |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | - | 229.336.667 | - | 229.336.667 |
| Số dư tại 31/12/2021 | 132.960.322.036 | 25.199.399.017 | (363.000.420.224) | (204.840.699.171) |

15.2 Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 132.960.322.036 | 132.960.322.036 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 132.960.322.036 | 132.960.322.036 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

15.3 Các quỹ của doanh nghiệp

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 37.139.653.742 | 36.801.650.269 |
| Cộng | 37.139.653.742 | 36.801.650.269 |

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

16. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính | 99.563.103.043 | 101.693.791.010 |
| Cộng | 99.563.103.043 | 101.693.791.010 |

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu Điểm vui chơi giải trí | 519.936.643 | 13.472.318.902 |
| Doanh thu dịch vụ khách sạn | 5.834.746.900 | 25.008.533.086 |
| Doanh thu bán hàng | 12.008.582 | 68.293.929 |
| Cộng | 6.366.692.125 | 38.549.145.917 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn Điểm vui chơi giải trí | 5.987.912.289 | 35.060.707.325 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn | 67.196.557.771 | 65.082.846.207 |
| Giá vốn bán hàng | 138.298.265 | 177.729.868 |
| Cộng | 73.322.768.325 | 100.321.283.400 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 7.276.741 | 4.124.101 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | - | 473.741.835 |
| Cộng | 7.276.741 | 477.865.936 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 90.303.866 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm | 4.630.671.149 | 604.972.670 |
| Chi phí lãi vay | 2.370.794.519 | - |
| Dự phòng giảm giá khoản đầu tư Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận | 1.224.210.024 | 1.179.399.863 |
| Cộng | 8.315.979.558 | 1.784.372.533 |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

5. Thu nhập khác

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|------------------------|--------------------|
| Tiền phạt bồi thường | 17.027.491 | 114.722.703 |
| Thu tiền điện của nhân viên | 46.483.584 | 62.021.072 |
| Thu nhập từ hỗ trợ xóa nợ khoản vay dài hạn | 107.248.525.000 | - |
| Xử lý chênh lệch kho | - | 5.969.790 |
| Thu nhập khác | 6.754.155 | 12.501.351 |
| Cộng | 107.318.790.230 | 195.214.916 |

6. Chi phí khác

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Chi phí ủng hộ, quyên góp | 213.954.766 | 360.213.240 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài | - | 3.855.911 |
| Chi trợ cấp hiếu, hỷ, hôn nhân | 81.023.901 | 115.004.552 |
| Chi phí bắn pháo hoa | - | 552.211.483 |
| Tiền phạt chậm nộp thuế | - | 52.475.057 |
| Chi phí khác | 33.265.025 | 15.575.318 |
| Cộng | 328.243.692 | 1.099.335.561 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i> | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 20.380.450.648 | 23.057.036.203 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 799.536.896 | 2.935.761.064 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 99.183.043 | 309.765.267 |
| Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 3.126.799.358 | 3.016.940.917 |
| Thuế, phí và lệ phí | 323.703.075 | 623.705.273 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.117.812.169 | 12.844.464.907 |
| Chi phí bằng tiền khác | 490.975.596 | 2.309.562.535 |
| Cộng | 33.338.460.785 | 45.097.236.166 |

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.082.261.666 | 15.683.353.725 |
| Chi phí nhân công | 53.638.214.711 | 78.443.507.507 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 30.530.281.314 | 29.010.679.452 |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

| | | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.701.074.727 | 16.422.893.570 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.708.756.774 | 5.858.129.496 |
| Cộng | 106.660.589.192 | 145.418.563.750 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-----------------|-------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| Các khoản điều chỉnh khác (nếu có) | - | - |
| Lỗi được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động | - | - |
| Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm | - | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

10. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-----------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (1.612.693.264) | (109.080.000.891) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 13.296.032 | 13.296.032 |
| Lỗi cơ bản trên cổ phiếu | (121) | (8.204) |

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyên đổi

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn | 1.721.910.139 | 19.106.445.605 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn | 1.036.020.752 | - |
| Nhận hỗ trợ từ xóa nợ khoản vay dài hạn | 107.248.525.000 | - |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Hứa Cương
Công ty Profit Come Entertainment Development Limited
Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Công ty mẹ
Công ty liên doanh

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|------------------------|----------------------|
| Mua hàng | 1.622.688.952 | 1.439.560.675 |
| Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận | 1.622.688.952 | 1.439.560.675 |
| Nhận hỗ trợ bằng xóa nợ khoản vay dài hạn | 107.248.525.000 | - |
| Ông Hứa Cương | 107.248.525.000 | - |

c) Số dư với các bên liên quan

| | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải trả ngắn hạn khác | 120.970.611.751 | 119.869.672.920 |
| Công ty Profit Come Entertainment Development Limited | 120.970.611.751 | 119.869.672.920 |
| Vay dài hạn | 229.553.933.942 | 333.658.407.101 |
| Ông Hứa Cương | 188.801.159.450 | 292.260.503.040 |
| Công ty Profit Come Entertainment Development Limited | 40.752.774.492 | 41.397.904.061 |

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-------|----------------------|----------------------|
| Lương | 1.846.202.180 | 1.849.984.520 |
| Cộng | 1.846.202.180 | 1.849.984.520 |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Mặc dù tại ngày 31/12/2021, Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 145.145.414.432 VND, lỗ lũy kế là 363.000.420.224 VND vượt quá vốn góp của chủ sở hữu là 68.137.942.386 VND và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm nhưng Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục vì tin tưởng rằng giả định hoạt động liên tục là phù hợp trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cam kết Công ty có sự hỗ trợ tài chính cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn ít nhất 12 tháng kể từ ngày Báo cáo tài chính được Ban Tổng giám đốc thông qua.

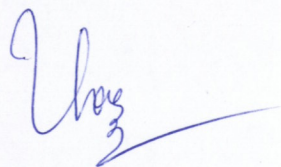
4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính chuyên đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



La Văn Lai

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dương